

KẾ HOẠCH
Thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2023

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1814 /QĐ-UBND ngày 30/9/2021 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Bắc Kạn về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025, UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Kế hoạch thực hiện công tác CCHC năm 2023 với những nội dung như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thực hiện có hiệu quả, đồng bộ các lĩnh vực CCHC, trong đó trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính (TTHC), nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và xây dựng chính quyền điện tử nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao Chỉ số CCHC của tỉnh, Chỉ số hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỤ THỂ

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch)

III. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp; sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện CCHC, coi công tác CCHC thực sự là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và là khâu đột phá của tỉnh.

2. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức đối với công tác CCHC, đặc biệt là nâng cao trách nhiệm, vai trò trực tiếp chỉ đạo của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ.

3. Tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; gắn việc thực hiện công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng để nâng cao trách nhiệm

của người đứng đầu và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi nhiệm vụ.

4. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước, cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia vào tiến trình CCHC và giám sát chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

5. Tiếp tục quan tâm bổ sung cán bộ công nghệ thông tin đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ; tổ chức bồi dưỡng tập huấn cho công chức tham mưu thực hiện công tác CCHC.

6. Đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện các dự án, chương trình, kế hoạch CCHC của tỉnh.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố được giao chủ trì thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC tại Mục II Kế hoạch này, chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ.

Căn cứ Kế hoạch này và tình hình thực tế của đơn vị xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2023 của cơ quan, đơn vị (*trong đó cần xác định rõ mục tiêu, nội dung, giải pháp và phân công rõ trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc trong triển khai các nội dung*). Bố trí kinh phí thực hiện công tác CCHC của cơ quan, đơn vị. Đồng thời, UBND các huyện, thành phố chỉ đạo UBND các xã, phường, thị trấn xây dựng Kế hoạch CCHC năm 2023.

Phổ biến, quán triệt các nội dung trong Kế hoạch này và của đơn vị đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị.

2. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Bắc Kạn; Cổng thông tin điện tử tỉnh; Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố thường xuyên thông tin, tuyên truyền tình hình triển khai, kết quả thực hiện các nhiệm vụ CCHC của Kế hoạch.

3. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm giúp UBND tỉnh kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện Kế hoạch này. Tham mưu UBND tỉnh các giải pháp, biện pháp nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra giám sát đối với công tác CCHC.

4. Ban chỉ đạo CCHC tỉnh chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trong Kế hoạch.

5. Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Bắc Kạn; đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội các cấp: Tăng cường công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC, đặc biệt là công tác giải quyết TTHC của các đơn vị, địa phương, kiến nghị nhằm kịp thời thực hiện các giải pháp, biện pháp chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính, khắc phục những tồn tại, hạn chế.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện công tác CCHC tỉnh Bắc Kạn năm 2023. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Vụ CCHC - Bộ Nội vụ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trường Chính trị tỉnh;
- Đài PTTT tỉnh, Báo Bắc Kạn, Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, NCPC (Vân).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình

Phụ lục
Các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể triển khai công tác cải cách hành chính năm 2023

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
I	CẢI CÁCH THỂ CHẾ							
1	1.1. Văn bản QPPL của tỉnh ban hành đảm bảo tính hợp Hiến, hợp pháp, tính thống nhất, tính khả thi	2.1. Tham mưu ban hành các văn bản quy phạm pháp luật	3.1. Xây dựng nghị quyết, quyết định	Nghị quyết HĐND tỉnh; Quyết định UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Sở Tư pháp	Thường xuyên	Theo mức chi quy định hiện hành
2		2.2. Thường xuyên rà soát các văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh ban hành để tham mưu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế	3.2. Xây dựng nghị quyết, quyết định để sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát	Nghị quyết của HĐND tỉnh, Quyết định của UBND tỉnh là kết quả sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế văn bản QPPL sau rà soát				
3		2.3. Ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2023 và triển khai thực hiện	3.3. Xây dựng kế hoạch	Kế hoạch UBND tỉnh; Báo cáo kết quả thực hiện	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Ban hành Kế hoạch tháng 12/2022; Triển khai thực hiện trong năm 2023	

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
4	1.1. Văn bản QPPL của tỉnh ban hành đảm bảo tính hợp Hiến, hợp pháp, tính thống nhất, tính khả thi	2.4. Ban hành Kế hoạch hệ thống hoá văn bản QPPL tỉnh Bắc Kạn kỳ 2019 - 2023 và triển khai thực hiện	3.4. Xây dựng kế hoạch	Kế hoạch UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Thời gian ban hành theo Kế hoạch hệ thống hoá kỳ 2019 - 2023 của Thủ tướng Chính phủ; Triển khai thực hiện trong năm 2023 - 2024	
5		2.5. Thực hiện hệ thống hoá văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh ban hành kỳ 2019 - 2023 thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý	3.5. Thực hiện rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL của HĐND, UBND tỉnh ban hành kỳ 2019 - 2023	Các văn bản, báo cáo kết quả hệ thống hoá văn bản kỳ 2019 - 2023	Các sở, ban, ngành	Sở Tư pháp	Trong năm 2023 - 2024	Theo mức chi quy định hiện hành
6	1.2. Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023	2.6. Ban hành Kế hoạch Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn năm 2023 và triển khai thực hiện	3.6. Xây dựng dự thảo Kế hoạch Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2023 trình UBND tỉnh ban hành	Kế hoạch UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Ban hành kế hoạch trước 30/01/2023	Theo mức chi quy định hiện hành
7			3.7. Xây dựng dự thảo báo cáo kết quả Theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh năm 2023 trình UBND tỉnh ban hành	Báo cáo của UBND tỉnh	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	UBND tỉnh ban hành báo cáo Bộ Tư pháp trước 10/12/2023	

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
II	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH							
8	1.3. 100% kịp thời, đúng quy định	2.7. Công bố TTHC/ danh mục TTHC	3.8. Xây dựng dự thảo Quyết định công bố TTHC/ danh mục TTHC thuộc thẩm quyền, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
9	1.4. 100% kịp thời, đúng quy định	2.8. Công khai TTHC	3.9. Đối với các sở, ban, ngành: Công khai TTHC trên CSDL Quốc gia về TTHC, trang thông tin điện tử; đối với cấp huyện và cấp xã: Công khai tại bảng niêm yết, trang thông tin điện tử	TTHC được công khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh		
10	1.5. 100% kịp thời, đúng quy định	2.9. Xây dựng quy trình nội bộ giải quyết TTHC	3.10. Xây dựng dự thảo Quyết định phê duyet quy trình nội bộ giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh; UBND cấp huyện; UBND cấp xã		

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
11	1.6. Cấp tỉnh: 50%, cấp huyện: 40%, cấp xã: 35%	2.10. Số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đang còn hiệu lực và có giá trị sử dụng thuộc thẩm quyền giải quyết	3.11. Thực hiện theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông tại Văn bản số 1180/STTTT-CNTT ngày 02/8/2021	TTHC được số hóa để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết TTHC trên môi trường điện tử	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Trong năm 2023	Theo mức chi quy định hiện hành
12	1.7. Tối thiểu 20% tổng số TTHC được rà soát có phương án rà soát (tối thiểu 10 TTHC/đơn vị)	2.11. Rà soát, đánh giá TTHC; trong đó tập trung rà soát, đơn giản hóa về thành phần hồ sơ, đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết TTHC	3.12. Xây dựng kế hoạch để tổ chức rà soát, đánh giá; Qua rà soát, đánh giá có báo cáo kết quả thực hiện, gửi UBND tỉnh	Kế hoạch của UBND tỉnh; Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Ban hành Kế hoạch rà soát (<i>chậm nhất 15 ngày kể từ ngày UBND tỉnh ban hành kế hoạch</i>); báo cáo kết quả thực hiện trước 31/3/2023	
13	1.8. 20% số hồ sơ TTHC được chứng thực điện tử trên tổng số hồ sơ TTHC phát sinh	2.12. Đẩy mạnh việc thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	3.13. Tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện chứng thực bản sao điện tử từ bản chính	Hồ sơ giải quyết TTHC trong lĩnh vực chứng thực được thực hiện chứng thực điện tử	UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Tư pháp; Sở Thông tin và Truyền thông	Trong năm 2023	

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
14	1.9. 50% số hồ sơ TTHC được thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính trên tổng số hồ sơ TTHC phát sinh	2.13. Đẩy mạnh việc thực hiện thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính (thuế, lệ phí trước bạ) khi thực hiện TTHC về đất đai trên Cổng DVC Quốc gia	3.14. Tuyên truyền, hướng dẫn tổ chức, cá nhân thực hiện thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính (thuế, lệ phí trước bạ) khi thực hiện TTHC về đất đai	Hồ sơ TTHC về đất đai được thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính	Sở Tài nguyên và Môi trường (Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai)	Cục Thuế tỉnh	Trong năm 2023	
15	1.10. Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt 90% trở lên. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt 80% trở lên; mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%; mức độ hài lòng của	2.14. Thực hiện đối thoại giữa lãnh đạo các cấp với tổ chức, cá nhân về TTHC	3.15. Xây dựng kế hoạch để tổ chức đối thoại/khảo sát, lấy ý kiến của người dân; Qua rà soát, đánh giá có báo cáo kết quả thực hiện, gửi UBND tỉnh	Các cuộc đối thoại được tổ chức	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Các đơn vị có liên quan	Trong năm 2023	Theo mức chi quy định hiện hành
		2.15. Khảo sát đánh giá sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với việc thực hiện TTHC		Các cuộc khảo sát	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã		
16		2.16. Nâng cao chất lượng việc giải quyết TTHC	3.16. Duy trì thực hiện tốt Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã	Kết quả giải quyết TTHC	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
17	người dân về dịch vụ cung cấp y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%	2.17. Nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	3.17. Tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra công vụ	Kết quả thanh tra, kiểm tra	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Thường xuyên	
18		2.18. Nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh	3.18. Tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra tại các cơ sở khám chữa bệnh	Kết quả thanh tra, kiểm tra	Sở Y tế	Các cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn tỉnh	Thường xuyên	
19		2.19. Nâng cao chất lượng dạy và học tại các trường học trên địa bàn tỉnh	3.19. Tổ chức các cuộc thanh tra, kiểm tra tại các trường học	Kết quả thanh tra, kiểm tra	Sở Giáo dục và Đào tạo; phòng Giáo dục và Đào tạo các huyện, thành phố	Các trường học các cấp trên địa bàn tỉnh	Thường xuyên	
20	1.11. 100% kiến nghị, phản ánh được xử lý dứt điểm	2.20. Tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính/hành vi hành chính	3.20. Tiếp nhận các phản ánh, kiến nghị và tham mưu xử lý theo quy định	Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh; Báo cáo, văn bản xin lỗi của các cơ quan, đơn vị	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
III	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY							
21	1.12. Nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập	2.21. Tiếp tục rà soát sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định pháp luật	3.21. Xây dựng đề án sắp xếp	Đề án của các đơn vị	Các sở, ban, ngành	Sở Nội vụ	Thường xuyên	
22			3.22. Thẩm định đề án sắp xếp	Văn bản thẩm định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên	
23			3.23. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án sắp xếp	Tờ trình của các đơn vị; Quyết định của UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
24		2.22. Rà soát quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh khi có văn bản hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương.	3.24. Xây dựng quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy	Dự thảo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy		Sở Nội vụ	Thường xuyên	
25		3.25. Thẩm định dự thảo quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy	Văn bản thẩm định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành	Thường xuyên		
26		3.26. Trình cấp có thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức bộ máy	Tờ trình của các đơn vị; Quyết định của UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên		

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
27	1.12. Nâng cao hiệu quả hoạt động các cơ quan chuyên môn và đơn vị sự nghiệp công lập	2.23. Tiếp tục xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	3.27. Rà soát đề nghị cấp có thẩm quyền xếp hạng các đơn vị sự nghiệp	Văn bản đề nghị	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Thường xuyên	
28			3.28. Thẩm định hồ sơ đề nghị xếp hạng các đơn vị sự nghiệp	Văn bản thẩm định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Thường xuyên	
29			3.29. Trình cấp có thẩm quyền xếp hạng các đơn vị sự nghiệp	Tờ trình của các đơn vị; Quyết định của UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Thường xuyên	
30	1.13. Tiếp tục sắp xếp các thôn, tổ dân phố	2.24. Rà soát sắp xếp các thôn, tổ dân phố	3.30. Hướng dẫn UBND cấp huyện	Hướng dẫn	UBND cấp huyện; cấp xã	Năm 2023		
31			3.31. Thẩm định; trình cấp có thẩm quyền phê duyệt việc sáp nhập các thôn, tổ, dân phố	Tờ trình của Sở Nội vụ; Nghị quyết HĐND tỉnh				
32	1.14. Quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP đảm bảo theo đúng quy định	2.25. Rà soát tổng hợp biên chế công chức, viên chức hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	3.32. Xây dựng Nghị quyết quyết định biên chế công chức; phê duyệt tổng số lượng người làm việc, hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2024	Tờ trình, Đề án, Nghị quyết, Quyết định	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND tỉnh; UBND cấp huyện; các tổ chức hội được giao biên chế	Quý IV/2023	

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
33	1.15. Đẩy mạnh việc phân cấp quản lý	2.26. Thực hiện tốt việc phân cấp quản lý nhà nước theo Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quy định của UBND tỉnh đã phân cấp quản lý	3.33. Tiếp tục phân cấp quản lý theo ngành, lĩnh vực cho cấp huyện, cấp xã	Quyết định	Các Sở: Nội vụ; Tài chính; Tài nguyên và Môi trường; Kế hoạch và Đầu tư; Thông tin và Truyền thông; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Y tế; Xây dựng; Khoa học và Công nghệ; Lao động - Thương binh và Xã hội	UBND cấp huyện, cấp xã	Năm 2023	
34			3.34. Tổ chức kiểm tra việc phân cấp quản lý theo ngành, lĩnh vực	Kế hoạch/ Thông báo kết quả kiểm tra		UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Năm 2023	

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
IV	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ							
35	1.16. 98% cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu công chức phù hợp với vị trí việc làm	2.27. Phê duyệt đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ sau khi có văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực.	3.35. Hướng dẫn, đơn đốc các đơn vị rà soát, xây dựng đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ sau khi có văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực	Văn bản đơn đốc	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên	
36			3.36. Rà soát, xây dựng đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 sau khi có văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực.	Đề án	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Thường xuyên	

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
37	1.17. 92% cơ quan hành chính nhà nước có cơ cấu viên chức phù hợp với vị trí việc làm	2.28. Phê duyệt đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ sau khi có văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực	3.37. Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị rà soát, xây dựng đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo quy định tại Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ sau khi có văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực	Văn bản	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên	
38		ngày 10/9/2020 của Chính phủ sau khi có văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực	3.38. Rà soát, xây dựng đề án vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức theo quy định tại Nghị định 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ sau khi có văn bản hướng dẫn về vị trí việc làm của các bộ quản lý ngành, lĩnh vực	Đề án	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Thường xuyên	

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
39	1.18. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	2.29. Tổ chức tuyển dụng công chức cấp tỉnh, cấp huyện	3.39. Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng theo quy định	Kế hoạch	Sở Nội vụ; UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành	Quý III - IV/2023	
40		2.30. Tổ chức tuyển dụng viên chức	3.40. Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng theo quy định	Kế hoạch	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện		Quý III - IV/2023	
41		2.31. Thực hiện đúng các quy định về công tác quy hoạch, bổ nhiệm lãnh đạo quản lý	3.41. Rà soát, xây dựng quy hoạch lãnh đạo quản lý theo quy định	Danh sách quy hoạch	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Thường xuyên	
42			3.42. Thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo quản lý các cấp theo quy định	Quyết định bổ nhiệm	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện			
43		2.32. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	3.43. Rà soát thống kê cán bộ, công chức, viên chức, người lao động không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao đề nghị cấp có thẩm quyền tinh giản	Tờ trình của các đơn vị	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã			

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
44	1.18. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	2.32. Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế cán bộ, công chức, viên chức lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP	3.44. Tổ chức họp thẩm định về tinh giản biên chế	Biên bản họp	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan	Thường xuyên	
45			3.45. Trình cấp có thẩm quyền phê duyệt tinh giản biên chế	Tờ trình của Sở Nội vụ; Quyết định của UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Văn phòng UBND tỉnh	Thường xuyên	
46	1.18. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức	2.33. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	3.46. Ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Kế hoạch	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; cấp xã	Quý I/2023	
47			3.47. Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức	Mở các lớp			Năm 2023	
48	1.19. 100% cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên; phấn đấu từ 64% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ chuyên môn đại học trở lên	2.34. Tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã	3.48. Xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng theo quy định	Kế hoạch	UBND cấp huyện	Sở Nội vụ	Năm 2023	
49		2.35. Tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn	3.49. Tổ chức các lớp đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn	Các lớp đào tạo	UBND cấp xã	UBND cấp huyện	Thường xuyên	

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
V	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG							
50	1.20. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên	2.36. Ban hành Nghị quyết bổ sung Nghị quyết số 95/NQ-HĐND; Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá dịch vụ sự nghiệp công đối với các dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng ngân sách nhà nước	3.50. Xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết; Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật - đơn giá dịch vụ sự nghiệp công trình UBND tỉnh	Nghị quyết của HĐND tỉnh; Quyết định của UBND tỉnh về định mức kinh tế kỹ thuật - đơn giá sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công có sử dụng ngân sách nhà nước	Sở Tài chính chủ trì phối hợp nội dung xây dựng hồ sơ Nghị quyết; Sở, ngành theo lĩnh vực phụ trách thực hiện xây dựng dự thảo định mức	Các Sở, ngành theo lĩnh vực phụ trách phối hợp Sở Tài chính xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết; Sở Tài chính phối hợp trong việc xây dựng định mức	Nội dung xây dựng hồ sơ dự thảo Nghị quyết HĐND hoàn thành trong quý II/2023; Nội dung xây dựng định mức KTKT thực hiện thường xuyên, hàng năm	
51	1.21. Cho ý kiến về phương án tự chủ tài chính của 15 đơn vị sự nghiệp công lập được kéo dài thực hiện phương án tự chủ tài chính đến hết năm 2022	2.37. Giao tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP	3.51. Đơn vị sự nghiệp xây dựng phương án; cơ quan chủ quản thẩm định, Sở Tài chính cho ý kiến	Quyết định giao tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập	Sở, ngành theo lĩnh vực phụ trách	Sở Tài chính	Chậm nhất trong tháng 5/2023	
52	1.22. Đảm bảo hướng dẫn, phổ biến kịp thời các quy định mới về tài chính đối với các	2.38. Triển khai các quy định của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương về đổi mới cơ chế quản lý	3.52. Tham mưu UBND tỉnh thực hiện triển khai các quy định mới	Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh; hướng dẫn của Sở Tài chính	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Thường xuyên	

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
	đơn vị sự nghiệp công lập	tài chính đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập						
53	1.23. Thực hiện nghiêm kiến nghị tài chính qua các đợt thanh tra, kiểm toán	2.39. Thực hiện kiến nghị của các đoàn kiểm toán nhà nước, thanh tra	3.53. Chủ trì tham mưu và đôn đốc các đơn vị thực hiện các kiến nghị kiểm toán, thanh tra	Văn bản chỉ đạo triển khai	Sở Tài chính	Các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Thường xuyên	
54	1.24. Đảm bảo triển khai thực hiện có hiệu quả mục tiêu Nghị quyết số 08- NQ/TU ngày 22/4/2021 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh CCHC nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021 - 2025	2.40. Khuyến khích phát triển cơ sở cung ứng dịch vụ ngoài công lập thuộc các lĩnh vực y tế, giáo dục, Khoa học công nghệ,...	3.54. Nghiên cứu, tham mưu cho cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách hỗ trợ, khuyến khích xã hội hóa dịch vụ công	Nghị quyết, Quyết định	Các Sở ban, ngành phụ trách các lĩnh vực	Các đơn vị liên quan		
55		2.41. Thực hiện chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập có đủ điều kiện theo quy định sang mô hình doanh nghiệp	3.55. Xem xét, tham mưu thực hiện chuyển đổi đối với các đơn vị sự nghiệp có đủ điều kiện	Quyết định UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các Sở, ban, ngành chủ quản; các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện		
56	1.25. Giải ngân kịp thời, hiệu quả nguồn vốn đầu tư công	2.42. Tập trung giải ngân vốn đầu tư công	3.56. Theo dõi, đôn đốc tình hình giải ngân vốn đầu tư công	Văn bản chỉ đạo, đôn đốc của UBND tỉnh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Chủ đầu tư	Thường xuyên	

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
57	1.26. Đảm bảo hướng dẫn, phổ biến kịp thời các quy định mới về tài chính đối với các doanh nghiệp nhà nước	2.43. Triển khai thực hiện các quy định của Chính phủ về đổi mới cơ chế, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước	3.57. Tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện triển khai các quy định mới	Văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh; hướng dẫn của Sở Tài chính	Sở Tài chính	Các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh	Thường xuyên	
58	1.27. Sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, các nguồn hợp pháp đúng quy định	2.44. Kiểm tra tình hình quản lý sử dụng kinh phí	3.58. Căn cứ trên báo cáo và thông qua kết quả các cuộc kiểm tra chuyên ngành	Kiến nghị, chấn chỉnh đối với các tồn tại, hạn chế		Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện		
59	1.28. Quản lý, sử dụng tài sản công đúng tiêu chuẩn, định mức quy định	2.45. Kiểm tra tình hình quản lý sử dụng tài sản công	3.59. Căn cứ trên báo cáo và thông qua kết quả các cuộc kiểm tra chuyên ngành	Công văn, thông báo, báo cáo kết quả làm việc				
VI	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ							
60	1.29. 100% báo cáo định kỳ (<i>không bao gồm nội dung mật</i>) của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh phục vụ hiệu quả hoạt	2.46. Tiếp tục triển khai Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Kạn	3.60. Triển khai thuê dịch vụ CNTT Trung tâm điều hành thông minh (IOC) và Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Bắc Kạn	Các hệ thống đi vào hoạt động	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Giai đoạn 2023 - 2025	Theo mức chi quy định hiện hành
61	1.29. 100% báo cáo định kỳ (<i>không bao gồm nội dung mật</i>) của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh phục vụ hiệu quả hoạt	2.47. Hoàn thiện hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	3.61. Hoàn thiện các chức năng Hệ thống thông tin (HTTT) báo cáo cấp tỉnh	HTTT báo cáo cấp tỉnh đảm bảo đủ chức năng, vận hành ổn	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ngành, UBND cấp huyện	Trong năm 2023	

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
	động quản lý, chỉ đạo, điều hành			định, các đơn vị, địa phương cập nhật đầy đủ dữ liệu báo cáo đúng theo chế độ báo cáo của tỉnh				
62	1.30. 40% cuộc họp của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể (trừ các cuộc họp mật) được tổ chức trực tuyến	2.48. Tham mưu ban hành các văn bản quy định.	3.62. Xây dựng Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến Tỉnh Bắc Kạn	Quyết định của UBND tỉnh	Sở Thông tin và truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Trong năm 2023	
63		2.49. Triển khai cuộc họp trực tuyến 3 cấp trên địa bàn tỉnh	3.63. Chủ động tổ chức các cuộc họp, hội nghị, tập huấn trên hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến	Các cuộc họp, hội nghị, tập huấn ... được tổ chức trực tuyến	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông		
64	1.31. 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và 85% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí	2.50. Đẩy mạnh việc thực hiện cập nhật, luân chuyển hồ sơ văn bản hành chính trên phần mềm quản lý văn bản; cập nhật, luân chuyển xử lý hồ sơ giải quyết TTHC	3.64. Các đơn vị, địa phương đảm bảo nhập đủ hồ sơ, tài liệu và luân chuyển xử lý theo quy trình trên hồ sơ công việc trên các phần mềm	Hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã được xử lý trên môi trường mạng	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Trong năm 2023	

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
65	<i>mật nhà nước</i>) <i>Ghi chú:</i> Hồ sơ công việc bao gồm: Hồ sơ xử lý văn bản hành chính và Hồ sơ giải quyết TTHC	trên phần mềm Một cửa điện tử, Một cửa điện tử liên thông và DVCT mức độ cao của tỉnh	3.65. Theo dõi, thống kê số lượng hồ sơ công việc được luân chuyển trên các phần mềm trong báo cáo tình hình sử dụng các phần mềm dùng chung hàng tháng	Thống kê cụ thể số lượng hồ sơ văn bản, hồ sơ giải quyết TTHC được xử lý trên các phần mềm	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã		
66	1.32. Hệ thống thông tin nền tảng phục vụ Chính quyền điện tử tỉnh Bắc Kạn được nâng cấp, mở rộng kết nối, chia sẻ. 30% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua Trục liên thông văn bản quốc gia và nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu	2.51. Thúc đẩy tích hợp, chia sẻ dữ liệu	3.66. Tham mưu ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định 47/2020/NĐ-CP	Kế hoạch của UBND tỉnh		Các Sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Trong năm 2023	
67			3.67. Xây dựng Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP)	Xây dựng LGSP, kết nối một số HTTT đủ điều kiện đến LGSP của tỉnh.			Giai đoạn 2022-2023	
68			3.68. Hướng dẫn các đơn vị rà soát, đảm bảo điều kiện kết nối các Hệ thống thông tin của đơn vị đến LGSP			Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ngành có quản lý các HTTT	Trong năm 2023
69			3.69. Kết nối các hệ thống thông tin của tỉnh đến LGSP		Các sở, ngành có HTTT cần kết nối	Sở Thông tin và Truyền thông		

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
70	1.33. 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử	2.52. Hoàn thiện về mặt kỹ thuật việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cổng Dịch vụ công của tỉnh với các hệ thống khác	3.70. Thúc đẩy việc kết nối, đưa vào khai thác sử dụng việc chia sẻ dữ liệu giữa Cổng DVC của tỉnh với các HTTT, CSDL có phạm vi từ trung ương đến địa phương	Hoàn thành kết nối đến các hệ thống: HTTT đăng ký và quản lý hộ tịch; Liên thông TNMT-Thuế; Hệ thống phục vụ dịch vụ công của Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam; Hệ thống mã bưu chính Vpostcode; CSDL quốc gia dân cư...	Sở Thông tin và Truyền thông	Các Bộ, các sở, ngành có các HTTT liên quan	Trong năm 2023 (theo lộ trình của các bộ, ngành quản lý các HTTT)	
71		2.53. Nâng cao tỷ lệ người dân doanh nghiệp tạo tài khoản và sử dụng dịch vụ công trực tuyến	3.71. Hướng dẫn, tuyên truyền về DVCTT trên trang/cổng TTĐT	Nâng cao tỷ lệ hồ sơ DVCTT	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông		
72			3.72. Hỗ trợ, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp đăng ký tài khoản trên Cổng DVC quốc gia					

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
73	1.34. Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ 100% đơn vị hành chính cấp xã, trên 80% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.	2.54. Chỉ đạo doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tăng cường hạ tầng	3.73. Ban hành văn bản chỉ đạo doanh nghiệp dung cấp dịch vụ Viễn thông, Internet trên địa bàn tỉnh	Văn bản chỉ đạo của Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Các doanh nghiệp và các Sở ban ngành	Trong năm 2023	
74	1.35. 100% TTHC có đủ điều kiện, được cung cấp DVCTT toàn trình trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh; 70% TTHC của tỉnh thực hiện qua DVCTT toàn trình được tích hợp với Cổng Dịch vụ công Quốc gia; tỷ lệ hồ sơ TTHC phát sinh trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết đạt từ 30% trở lên	2.55. Tiếp tục rà soát, nâng cao tỷ lệ cung cấp DVCTT toàn trình; tỷ lệ tích hợp trên cổng DVC quốc gia; nâng tỷ lệ hồ sơ giải quyết TTHC phát sinh trực tuyến.	3.74. Rà soát, tái cấu trúc các TTHC	Phương án tái cấu trúc	Các sở, ban, ngành	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Thông tin và Truyền thông	Trong năm 2023	
75			3.75. Tích hợp DVCTT của tỉnh trên cổng DVC quốc gia	Quyết định ban hành danh mục	Văn phòng UBND tỉnh			
76			3.76. Tuyên truyền, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ DVCTT	Nâng cao tỷ lệ hồ sơ DVCTT	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã.	Sở Thông tin và Truyền thông		
77			3.77. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền về DVCTT, Chuyển đổi số, xây dựng chính quyền điện tử		Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã		

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
78	1.36. Hoàn thiện hạ tầng, đảm bảo an toàn thông tin	2.56. Hoàn thiện hạ tầng số; triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng cho các hệ thống thông tin của tỉnh	3.78. Xây Trung tâm giám sát, điều hành an toàn thông tin (SOC)	Xây dựng hệ thống đảm bảo an toàn, an ninh thông tin (SOC)	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Giai đoạn 2022 - 2025	
79			3.79. Xây dựng mạng diện rộng WAN của tỉnh	Xây dựng mạng diện rộng WAN của tỉnh				
80			3.80. Duy trì hoạt động của Đội ứng cứu sự cố mạng, máy tính của tỉnh	Đảm bảo hoạt động của Đội ứng cứu sự cố mạng, máy tính của tỉnh				Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
81			3.81. Tiếp tục triển khai chứng thư số cho các cơ quan nhà nước	Cập mới, thu hồi, thay đổi thông tin, ... chứng thư số chuyên dùng đúng quy định	Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	Sở Thông tin và Truyền thông	Trong năm 2023	
82			3.82. Triển khai giám sát, đánh giá ATTT định kỳ, đột xuất	Thực hiện các hoạt động giám sát, đánh giá ATTT theo quy định	Sở Thông tin và Truyền thông			Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã
83			3.83. Thẩm định, phê duyệt, trình UBND tỉnh phê duyệt hồ sơ đề xuất cấp độ ATTT của các Sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	Quyết định phê duyệt	Sở Thông tin và Truyền thông			Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
VII	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH							
84	1.37. Đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp về công tác CCHC trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025	2.57. Chỉ đạo, đôn đốc các đơn vị thực hiện các nhiệm vụ CCHC đã xác định trong kế hoạch CCHC năm 2023 của tỉnh	3.84. Xây dựng và ban hành văn bản chỉ đạo	Văn bản chỉ đạo	Sở Nội vụ	Các sở, ngành; UBND cấp huyện	Quý III/2023	
85			3.85. Chỉ đạo, quán triệt trong các cuộc họp, giao ban	Thông báo kết luận các cuộc họp, giao ban	Văn phòng UBND tỉnh	Sở Nội vụ	Thường xuyên	
86			3.86. Xây dựng kế hoạch tuyên truyền CCHC	Kế hoạch tuyên truyền CCHC năm 2023	Sở Nội vụ; Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Quý I/2023	
87		2.58. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC	3.87. Tuyên truyền Công/trang thông tin điện tử của tỉnh, của các cơ quan, đơn vị; tuyên truyền trên đài truyền hình, đài truyền thanh; báo..	Các hình thức tuyên truyền	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ; Đài Phát thanh truyền hình tỉnh; Báo Bắc Kạn; Trường Chính trị tỉnh; các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện	UBND cấp xã	Ban hành Kế hoạch tháng 01/2023; Triển khai thực hiện trong năm 2023	

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
88	1.37. Đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp về công tác CCHC trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025	2.59. Xây dựng sáng kiến, giải pháp thiết thực hiệu quả trong chỉ đạo, thực hiện nâng cao công tác CCHC trên địa bàn tỉnh.	3.88. Đôn đốc các cơ quan, đơn vị xây dựng sáng kiến, giải pháp về công tác CCHC	Văn bản đôn đốc	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Quý III/2023	
89		2.60. Nâng cao kết quả Chỉ số CCHC cấp tỉnh	3.89. Tự đánh giá chấm điểm Chỉ số CCHC của tỉnh	Báo cáo tự đánh giá chấm điểm	Sở Nội vụ			
90			3.90. Tổ chức họp đánh giá kết quả chỉ số CCHC của tỉnh	Báo cáo giải trình kết quả Chỉ số của tỉnh; kế hoạch khắc phục những hạn chế kết quả Chỉ số của tỉnh	Sở Nội vụ			
91		2.61. Tiếp tục triển khai bộ tiêu chí đánh giá xác định Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	3.91. Thẩm định kết quả tự đánh giá chấm điểm chỉ số CCHC năm 2022	Báo cáo kết quả thẩm định	Tổ thẩm định	Sở Nội vụ	Quý I/2023	
92			3.92. Công bố chỉ số CCHC năm 2022	Quyết định	Sở Nội vụ; UBND cấp huyện	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện	Quý I/2023	
93			3.93. Rà soát xây dựng bộ tiêu chí đánh giá chấm điểm phù hợp với thực tiễn	Quyết định phê duyệt bộ tiêu chí	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan	Quý II/2023	

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
94	1.37. Đẩy mạnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp về công tác CCHC trong	2.61. Tiếp tục triển khai bộ tiêu chí đánh giá xác định Chỉ số CCHC các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã	3.94. Xây dựng phương án và tổ chức điều tra xã hội học	Quyết định phê duyệt phương án điều tra xã hội học	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Quý III - IV/2023	
95	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ và Nghị quyết số 08-NQ/TU ngày 22/4/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, giai đoạn 2021 - 2025		3.95. Tự đánh giá chấm điểm chỉ số CCHC năm 2023	Báo cáo tự đánh giá chấm điểm	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện; UBND cấp xã	Sở Nội vụ	Tháng 12/2023	
96	1.38. Nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành của các thành viên Ban Chỉ đạo CCHC của tỉnh trong công tác CCHC	2.62. Tổ chức họp Ban chỉ đạo CCHC của tỉnh	3.96. Xây dựng nội dung, chương trình họp	Thông báo kết luận cuộc họp	Văn phòng UBND tỉnh; Sở Nội vụ	Các thành viên Ban chỉ đạo CCHC của tỉnh	06 tháng/cuộc	
97	1.39. Tăng cường trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp trong thực hiện CCHC	2.63. Kiểm tra công tác CCHC tại các đơn vị	3.97. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra	Kế hoạch UBND tỉnh; thông báo kết quả kiểm tra của Đoàn kiểm tra	Sở Nội vụ	Các sở, ngành liên quan	Ban hành Kế hoạch quý I/2023; Triển khai thực hiện trong năm 2023	Theo mức chi quy định hiện hành

TT	1 - Mục tiêu	2 - Nhiệm vụ	3 - Hoạt động	4 - Kết quả/ Sản phẩm	5 - Cơ quan chủ trì	6 - Cơ quan phối hợp	7 - Thời gian thực hiện	8 - Dự kiến kinh phí (Nếu có)
98	1.39. Tăng cường trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức, nhất là người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp trong thực hiện CCHC	2.64. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ và chấp hành kỷ luật, kỷ cương tại các cơ quan, đơn vị	3.98. Xây dựng kế hoạch và tổ chức kiểm tra	Kế hoạch; thông báo, báo cáo kết quả kiểm tra của Sở Nội vụ	Sở Nội vụ	Bảo Bắc Kạn; Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh	Ban hành Kế hoạch quý I/2023; Triển khai thực hiện trong năm 2023	Theo mức chi quy định hiện hành
99		2.65. Thanh tra việc quản lý nhà nước về công tác nội vụ; kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra	3.99. Xây dựng kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra	Quyết định/kế hoạch của Sở Nội vụ; kết luận thanh tra của Đoàn thanh tra; thông báo kết quả kiểm tra			Ban hành Kế hoạch tháng 11/2022; triển khai thực hiện trong năm 2023	Theo mức chi quy định hiện hành
100	3.40. Nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp	2.66. Tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp	3.100. Xây dựng dự thảo kế hoạch, chương trình đối thoại của UBND tỉnh	Kế hoạch, chương trình, các cuộc đối thoại	Sở Kế hoạch và Đầu tư; Sở Công thương; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Văn phòng UBND tỉnh; người dân, doanh nghiệp	Quý II-IV/2023	